

BẢNG HÀNG ĐỢT 30 - TÒA PARK 1

STT	Tầng	Mã Căn	Diện tích m ²	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m ²
			6,044				24,971,773
1	7	P1.0704	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,499,561
2	7	P1.0716	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,062,852
3	11	P1.1102	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	25,428,838
4	11	P1.1103	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,290,364
5	11	P1.1104	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,297,917
6	11	P1.1105	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	25,428,838
7	11	P1.1110	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,626,350
8	11	P1.1114	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,626,350
9	11	P1.1117	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,879,564
10	16	P1.1604	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,297,917
11	16	P1.1614	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,626,350
12	20	P1.2002	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	25,428,838
13	20	P1.2003	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,290,364
14	20	P1.2004	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,297,917
15	20	P1.2005	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	25,428,838
16	20	P1.2010	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,626,350
17	21	P1.2103	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,290,364
18	21	P1.2104	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,297,917
19	21	P1.2116	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,879,564
20	23	P1.2302	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	25,328,527
21	23	P1.2303	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,190,599
22	23	P1.2304	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,198,123
23	23	P1.2305	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	25,328,527
24	23	P1.2310	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,529,205
25	23	P1.2314	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,529,205
26	25	P1.2502	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	25,328,527
27	25	P1.2503	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,190,599
28	25	P1.2504	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,198,123
29	25	P1.2505	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	25,328,527
30	25	P1.2510	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,529,205
31	25	P1.2514	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,529,205
32	25	P1.2517	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,777,475
33	27	P1.2701	96.4	3PN-2WC	ĐN-ĐB1	Góc	25,784,842
34	27	P1.2702	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	25,328,527
35	27	P1.2703	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,190,599
36	27	P1.2704	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	25,198,123
37	27	P1.2705	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	25,328,527
38	27	P1.2707	72.9	2PN-2WC	TN	Căn giữa	25,313,480
39	27	P1.2710	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,529,205
40	27	P1.2714	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,529,205
41	27	P1.2716	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,777,475
42	27	P1.2717	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,777,475
43	28	P1.2803	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,816,481
44	28	P1.2804	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,823,893
45	28	P1.2805	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	24,952,361
46	28	P1.2817	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,394,641

STT	Tầng	Mã Căn	Diện tích m ²	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m ²
47	29	P1.2901	96.4	3PN-2WC	ĐN-ĐB1	Góc	25,401,898
48	29	P1.2902	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	24,952,361
49	29	P1.2903	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,816,481
50	29	P1.2904	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,823,893
51	29	P1.2905	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	24,952,361
52	29	P1.2907	72.9	2PN-2WC	TN	Căn giữa	24,937,538
53	29	P1.2910	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	24,164,909
54	29	P1.2914	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	24,164,909
55	29	P1.2915	81.2	3PN-2WC	TB- ĐB1	Góc	25,073,728
56	29	P1.2916	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,394,641
57	29	P1.2917	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,394,641
58	31	P1.3101	96.4	3PN-2WC	ĐN-ĐB1	Góc	25,070,014
59	31	P1.3102	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	24,626,350
60	31	P1.3103	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,492,246
61	31	P1.3104	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,499,561
62	31	P1.3105	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	24,626,350
63	31	P1.3107	72.9	2PN-2WC	TN	Căn giữa	24,611,720
64	31	P1.3110	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	23,849,187
65	31	P1.3114	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	23,849,187
66	31	P1.3116	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,062,852
67	31	P1.3117	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,062,852
68	32	P1.3201	96.4	3PN-2WC	ĐN-ĐB1	Góc	25,070,014
69	32	P1.3202	82.1	3PN-2WC	ĐN- TN2	Góc1	24,626,350
70	32	P1.3203	77.6	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,492,246
71	32	P1.3204	77.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	24,499,561
72	32	P1.3205	82.1	3PN-2WC	ĐN-ĐB2	Góc1	24,626,350
73	32	P1.3210	82.1	3PN-2WC	TB- ĐB2	Góc1	23,849,187
74	32	P1.3214	82.1	3PN-2WC	TB-TN2	Góc1	23,849,187
75	32	P1.3216	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,062,852
76	32	P1.3217	72.9	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	25,062,852

Tổng giá bán (VNĐ)
1,985,814,534
150,921,904,550
1,888,916,139
1,827,081,893
2,087,707,594
1,962,532,251
1,950,469,414
2,087,707,594
2,021,823,330
2,021,823,330
1,886,620,204
1,950,469,414
2,021,823,330
2,087,707,594
1,962,532,251
1,950,469,414
2,087,707,594
2,021,823,330
1,962,532,251
1,950,469,414
1,886,620,204
2,079,472,061
1,954,790,506
1,942,775,255
2,079,472,061
2,013,847,696
2,013,847,696
2,079,472,061
1,954,790,506
1,942,775,255
2,079,472,061
2,013,847,696
2,013,847,696
1,879,177,915
2,485,658,736
2,079,472,061
1,954,790,506
1,942,775,255
2,079,472,061
1,845,352,712
2,013,847,696
2,013,847,696
1,879,177,915
1,879,177,915
1,925,758,964
1,913,922,157
2,048,588,812
1,851,269,332

Tổng giá bán (VNĐ)
2,448,743,012
2,048,588,812
1,925,758,964
1,913,922,157
2,048,588,812
1,817,946,484
1,983,939,067
1,983,939,067
2,035,986,712
1,851,269,332
1,851,269,332
2,416,749,385
2,021,823,330
1,900,598,294
1,888,916,139
2,021,823,330
1,794,194,419
1,958,018,255
1,958,018,255
1,827,081,893
1,827,081,893
2,416,749,385
2,021,823,330
1,900,598,294
1,888,916,139
2,021,823,330
1,958,018,255
1,958,018,255
1,827,081,893
1,827,081,893